

Tổ chức lớp học trên phần mềm Quizlet để hỗ trợ việc học từ vựng tiếng Anh cho học sinh tiểu học 6 - 11 tuổi

Trần Thị Ánh Tuyết*

*Thạc sĩ, Khoa Tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

Received: 7/01/2023; Accepted: 9/01/2023; Published: 30/01/2023

Abstract: This article reports on the implementation of Quizlet software, which emerges from the author's teaching practice to students aged 6 - 11. The author has created a class on Quizlet software to support students' self-study besides face-to-face class time with the teacher. The Quizlet application helps students to improve vocabulary retention in terms of meaning, pronunciation and spelling of lexical items they have learnt in class. This paper will provide insights into the benefits of Quizlet software and the application of the software in teaching and learning English.

Keywords: Quizlet software, vocabulary, vocabulary retention

1. Đặt vấn đề

Vốn từ vựng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong giao tiếp ngôn ngữ. Trong sử dụng ngoại ngữ, lượng từ vựng rộng giúp cho giao tiếp trôi chảy, dễ dàng hơn không chỉ đối với người lớn mà cả học sinh trẻ em.

Thực tế giảng dạy các lớp tiếng Anh trẻ em 6-11 tuổi cho thấy với tần suất học trực tiếp với giáo viên 2 buổi học/tuần (90 phút/buổi học), việc lưu nhớ từ vựng của học sinh chưa cao. Học sinh còn hay quên về nhận diện ý nghĩa từ vựng, phát âm từ chưa đúng và chưa nhớ chính tả của từ vựng. Do đó, tác giả đã áp dụng công nghệ trong dạy học - sử dụng phần mềm Quizlet để học sinh có thể học và ôn tập ngoài thời gian học trực tiếp với giáo viên. Với phần mềm này, giáo viên có thể quản lý lớp học, đăng các bài học thuộc các chủ đề khác nhau trong giao diện của lớp. Học sinh sử dụng thiết bị điện tử kết nối được với mạng như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính,... để truy cập bài học. Việc tổ chức lớp học ở phần mềm Quizlet giúp học sinh có thể ôn tập và học từ vựng dễ dàng hơn và vô thời hạn, tăng khả năng lưu nhớ từ vựng và xây dựng trí nhớ dài hạn trong học từ vựng tiếng Anh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Có bao nhiêu từ trong tiếng Anh và chúng ta cần dạy bao nhiêu từ?

Chúng ta hầu như không thể đưa ra con số chính xác có bao nhiêu từ vựng trong tiếng Anh (McCarten, 2007). Từ điển Merriam-Webster cũng đồng ý quan điểm này và giải thích rằng một lý do chắc chắn là ngôn ngữ luôn luôn mở rộng và ranh giới giữa các từ luôn có tính linh động. Ví dụ, người ta vẫn đặt câu

hỏi rằng các dạng của một từ trong tiếng Anh như "go", "goes", "went", "gone" là một từ hay là bốn từ tách biệt?.

Một số tài liệu đã đưa ra con số ước lượng về số lượng từ vựng trong tiếng Anh. Theo *The Global Language Monitor*, tổ chức theo dõi ngôn ngữ và xu thế ngôn ngữ, có gần 1 triệu từ vựng trong tiếng Anh. Từ điển Quốc tế phiên bản thứ Ba của Webster, cùng với Phần Addenda 1993 của nó, đã bao gồm 470.000 từ. Từ điển Oxford, phiên bản Hai, cũng báo cáo họ bao gồm con số từ vựng tương tự từ điển Webster.

Các nhà nghiên cứu đã cố gắng ước lượng người nói tiếng Anh bản xứ biết bao nhiêu từ vựng, để đánh giá số lượng từ vựng người học cần học (McCarten, 2007). Kết quả từ các nguồn cho thấy một người sử dụng tiếng bản ngữ biết khoảng 12.000 - 20.000 từ, phụ thuộc vào mức độ giáo dục của người đó. Một ước lượng khác cho biết rằng một người bản xứ tốt nghiệp đại học biết khoảng 20.000 họ từ (Goulden et al, 1990), không bao gồm cụm và cách diễn đạt. Vậy, con số này là một thử thách lớn đối với người học tiếng Anh như một ngoại ngữ.

Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể sử dụng tiếng Anh với ít hơn 20.000 từ (McCarten, 2007). Điều này xuất phát từ một cách khác để ước lượng số lượng từ vựng người học cần - đó là đếm số lượng từ vựng được sử dụng trong diễn ngôn hoặc văn bản có độ khó trung bình. Nền tảng của cách ước lượng này là các từ có tần suất sử dụng cao (high-frequency words) thường lặp lại trong nhiều văn bản. Nghiên cứu cho thấy người biết khoảng 2.000 từ vựng có thể hiểu được khoảng 80% văn bản trung bình, và người với 5.000 từ vựng hiểu khoảng 88.7% (Francis và

Kucera, 1982). Trong khi đó, với giao tiếp nói, với lượng từ vựng khoảng 1.800, người ta có thể hiểu được khoảng 80% ngôn ngữ nói mức độ trung bình (McCarthy 2004, Carter et al, 2007).

Từ những nghiên cứu này, có hai điều quan trọng được đúc kết. Thứ nhất, xác định mức 2.000-5.000 từ phổ biến nhất và ưu tiên trong giảng dạy. Điều này được thực hiện thông qua nghiên cứu với dữ liệu máy tính (corpus). Thứ hai, người học cần tăng việc tự học từ vựng từ nhiều nguồn, nhiều phương thức khác nhau. Giáo viên không thể dạy tất cả lượng lớn từ vựng người học cần ở trên lớp, nên việc quan trọng tương đương là cần giúp học sinh với việc học từ vựng như thế nào và học cái gì.

2.2. Các khía cạnh dạy học từ vựng

Richards (1976) và Nation (2001) liệt kê những khía cạnh một người học cần biết về một từ vựng như sau:

- Ý nghĩa của từ
- Dạng viết và dạng nói của từ
- Thành phần của từ (ví dụ tiền tố, hậu tố, gốc)
- Ngữ pháp tiêu biểu liên quan đến từ
- Cụm từ cố định đi kèm
- Sắc thái (trang trọng/ không trang trọng/...)
- Các từ liên hợp (từ đồng nghĩa, trái nghĩa)
- Nghĩa ám chỉ của từ
- Mức độ phổ biến của từ

Tuy nhiên, dạy tất cả các khía cạnh của từ cùng một lúc và lần đầu tiên người học học từ là điều không thể và không nên làm (McCarten, 2007). Ở những lần học đầu tiên, người học nên được học về âm, chính tả, và một trong những ý nghĩa của từ vựng (McCarten, 2007). Ngoài ra, có thể dạy một cấu trúc đi kèm với từ vựng đó. Ví dụ, khi dạy từ vựng “like”, có thể dạy cấu trúc câu “I like apples.”, “I don’t like bananas.” Sau này, có thể dạy những ý nghĩa khác trong các cấu trúc khác như “I have a shirt like that”.

2.3. Lợi ích của tổ chức lớp học trên phần mềm Quizlet

Quizlet là một trang web và ứng dụng để học các từ vựng, khái niệm và thuật ngữ thông qua các thẻ từ. Các thẻ từ ở ứng dụng này có thể bao gồm âm, chính tả, hình ảnh, ý nghĩa của từ vựng. Người tạo bài học từ vựng sẽ có thể chọn lựa bao gồm các khía cạnh nào của từ vựng đó.

Đối với học sinh tự học ngoài thời gian trên lớp. Phần mềm Quizlet có những trò chơi thú vị, giúp người học dễ nhớ, nhớ lâu hơn. Các hoạt động học sinh có thể tham gia xuất hiện trên giao diện mỗi học phần, học sinh chọn từng hoạt động để học từ vựng.



Hình 2.1. Bài học ở Quizlet trên điện thoại

Các hoạt động học sinh có thể tự học bao gồm:

Thẻ ghi nhớ

Mỗi từ vựng xuất hiện trên một thẻ từ vựng gồm có: một mặt thẻ gồm chính tả từ vựng, biểu tượng âm thanh giúp học sinh bấm vào để có thể nghe âm của từ vựng này; học sinh chạm vào thẻ để lật mặt còn lại của thẻ gồm ý nghĩa bằng định nghĩa của từ hoặc/và hình ảnh minh họa.

Học

Học sinh trả lời các câu hỏi trong bài. Các câu hỏi đa dạng định dạng gồm đa lựa chọn từ, đa lựa chọn định nghĩa, trả lời tự luận (viết từ). Phản hồi về câu trả lời xuất hiện sau mỗi câu hỏi. Có gợi ý cho câu trả lời học sinh chưa trả lời đúng và học sinh có thể làm lại các câu này.

Ghép thẻ

Học sinh ghép từ và định nghĩa/hình ảnh. Màn hình hiển thị thời gian làm bài theo đơn vị giây.

Kiểm tra

Bài kiểm tra bao gồm đa dạng câu hỏi như phần học. Tuy nhiên, các câu hỏi được chấm điểm, và không có gợi ý cho những câu trả lời chưa đúng. Kết quả của bài kiểm tra xuất hiện ngay sau khi học sinh nộp bài.

Đối với hoạt động trên lớp với giáo viên, giáo viên có thể tổ chức trò chơi tương tác vui vẻ, đầy năng lượng bằng chức năng hoạt động Quizlet Live cổ điển hoặc Cột mốc

At home_Ở nhà

7 người học trong 3 ngày qua

Hoạt động trong lớp

Hình 2.2. Bài học ở Quizlet trên trình duyệt

Quizlet Live cô điển

Giáo viên là người tổ chức trò chơi, có mã tham gia để học sinh tham gia trò chơi bằng thiết bị máy tính/điện thoại, ipad có kết nối mạng. Học sinh có thể chơi theo nhóm hoặc riêng lẻ. Người chơi làm các câu hỏi lần lượt theo tốc độ của mình. Người/đội thắng cuộc cần trả lời các câu hỏi trong trò chơi nhanh và đúng nhất.

Cột mốc

Giáo viên là người tổ chức trò chơi, có mã tham gia để học sinh tham gia trò chơi bằng thiết bị máy tính/điện thoại, ipad có kết nối mạng. Học sinh chơi riêng lẻ. Người chơi làm các câu hỏi lần lượt theo giáo viên điều khiển từng câu hỏi. Người thắng cuộc cần trả lời các câu hỏi trong trò chơi nhanh và đúng nhất. Sau trò chơi, hệ thống gửi kết quả, gợi ý học tập đến email của người chơi.

2.4. Hướng dẫn tổ chức lớp học trên phần mềm Quizlet

Khi giáo viên tạo lớp học trên phần mềm Quizlet, giáo viên có thể tạo các học phần (bài học) trong lớp học đó. Đồng thời, giáo viên có thể thêm các học phần vào nhiều lớp học khác nhau. Giáo viên có thể quản lý được học sinh trong lớp học như biết được các hoạt động học sinh học tập, thành tích học tập của học sinh, để từ đó có phương án khen thưởng học sinh học tập tốt cũng như nhắc nhở học sinh học chưa đầy đủ, và hỗ trợ học sinh học chưa tốt.

Các bước tạo lớp học dành cho giáo viên:

- Tạo tài khoản cá nhân của giáo viên
- Vào mục *Tạo/ Tạo lớp* và điền đầy đủ thông tin

Các bước hướng dẫn học sinh tạo tài khoản

Quizlet và thêm học sinh vào lớp học:

- Học sinh cài đặt phần mềm Quizlet
- Học sinh tạo tài khoản
- Học sinh gửi tên tài khoản cho giáo viên
- Giáo viên sẽ thêm tài khoản vào trong lớp học, học sinh kiểm tra email để xác nhận tham gia.
- Giáo viên và học sinh kiểm tra xem học sinh đã

là thành viên lớp học chưa.

Trong lớp học trẻ em 6-11 tuổi, phụ huynh học sinh sẽ hỗ trợ học sinh về thiết bị và kỹ thuật. Các hoạt động học từ vựng, học sinh hoàn toàn có thể tự thực hiện ở các học phần khác nhau sau khi được hướng dẫn với học phần đầu tiên.

3. Kết luận

Bài báo đã cung cấp thông tin tổng quan về lượng từ vựng trong tiếng Anh, đồng thời củng cố kết quả của tiền nghiên cứu trong việc nhấn mạnh vai trò tự học từ vựng của học sinh ngoài thời gian trên lớp học và vai trò hướng dẫn của giáo viên đối với việc học của học sinh. Bài báo cũng đưa ra các tính năng cụ thể của phần mềm Quizlet, lợi ích của phần mềm Quizlet, và gợi ý cách thức tổ chức lớp học trên phần mềm Quizlet đối với học sinh trẻ em 6 - 11 tuổi. Điều này cũng phù hợp với xu thế ứng dụng công nghệ trong dạy học, tăng sự tiện lợi và hào hứng cho học sinh, giúp nâng cao hiệu quả học tập. Do tính linh động của nội dung học phần tạo trên phần mềm Quizlet, phần mềm này có thể áp dụng rộng rãi cho những ngoại ngữ, và môn học khác.

Tài liệu tham khảo

1. Francis, W. N., and H. Kucera (1982). *Frequency analysis of English Usage*. Boston: Houghton Mifflin Company
2. Global Language Monitor. <http://www.languagemonitor.com/>
3. Goulden, R., P. Nation, and J. Read (1990). How large can a receptive vocabulary be? *Applied Linguistics* 11 (4):341-63
4. McCarten, J. (2007). *Teaching Vocabulary - Lesson from the Corpus, Lessons for the Classroom*. Cambridge: Cambridge University Press.
5. McCarthy, M. J. (2004). *Touchstone: From Corpus to Course Book*. Cambridge: Cambridge University Press.
6. Merriam-Webster Dictionary. <https://www.merriam-webster.com/help/faq-how-many-english-words>
7. Nation, I. S. P. (2001). *Learning Vocabulary in Another Language*. Cambridge: Cambridge University Press.
8. O'Keeffe, A., M. J. McCarthy, M. J., and Carter, R. A. (2007). *From Corpus to Classroom*. Cambridge: Cambridge University Press.